BỘ Y TẾ **CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 190 /QĐ-ATTP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Bình Dương (Địa chỉ: số 209, đường Yersin, phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương) thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: …./2021/BYT-KNTP

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Bình Dương có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BT. Nguyễn Thanh Long (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- CT. Nguyễn Thanh Phong (để b/c);
- Ban Quản lý ATTP các tỉnh, thành phố;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

Lê Văn Giang

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 190...../QĐ-ATTP ngày 23 tháng 06.. năm 2021 của Cục An toàn thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp	Giới hạn định lượng/ Phạm vi đo (nếu có)
1.	pH	**Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền**	TCVN 6492:2011	2 ~ 12
2.	Độ cứng tổng		TCVN 6224:1996	5 mg/L
3.	Clorua		PP/HD-NU-12 (2019)	0,096 mg/L
4.	Florua		PP/HD-NU-12 (2019)	0,021 mg/L
5.	Bromua		PP/HD-NU-12 (2019)	0,024 mg/L
6.	Sulfat		PP/HD-NU-12 (2019)	0,138 mg/L
7.	Nitrite		PP/HD-NU-12 (2019)	0,024 mg/L
8.	Nitrate		PP/HD-NU-12 (2019)	0,096 mg/L
9.	Sắt tổng		SMEWW 311B:2017	0,17 mg/L
10.	Đồng		SMEWW 311B:2017	0,07 mg/L
11.	Mangan		SMEWW 311B:2017	0,07 mg/L
12.	Chỉ số permanganate		TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
13.	Xác định hàm lượng nitơ tổng số bằng phương pháp Kjeldahl	**Thực phẩm bảo vệ sức khỏe**	PP/HD-TP-05 (2019)	
14.	Xác định độ rã		PP/HD-CN-01 (2019)	
15.	Xác định độ đồng đều khối lượng		PP/HD-CN-02 (2019)	
16.	Xác định tro tan trong nước		PP/HD-CN-05 (2019)	
17.	Xác định tro toàn phần		PP/HD-CN-06 (2019)	
18.	Xác định tro không tan trong acid		PP/HD-CN-07 (2019)	

STT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp	Giới hạn định lượng/ Phạm vi đo (nếu có)
19.	Xác định tro sulfat		PP/HD-CN-08 (2019)	
20.	Xác định độ ẩm bằng phương pháp Karl-Fischer		PP/HD-CN-10 (2019)	
21.	Xác định độ ẩm bằng phương pháp cất với dung môi		PP/HD-CN-11 (2019)	
22.	Xác định độ ẩm bằng phương pháp sấy		PP/HD-CN-12 (2019)	
23.	Xác định pH		PP/HD-CN-13 (2019)	2 ~ 12
24.	Xác định tỷ trọng		PP/HD-CN-15 (2019)	
25.	Xác định hàm lượng Ginkgo flavonoid toàn phần tính theo Quercetin, phương pháp HPLC		PP/HD-CN-16 Ref. USP 40 (2019)	2 µg/mL
26.	Xác định hàm lượng Glucosamin, phương pháp HPLC		PP/HD-CN-18 Ref. DĐVN V (2019)	
27.	Xác định hàm lượng Vitamin E, phương pháp HPLC		PP/HD-CN-19 (2019)	33 µg/mL
28.	Xác định hàm lượng Vitamin C, phương pháp HPLC		PP/HD-CN-21 Ref. USP 40 (2020)	0,004 mg/mL
29.	Xác định hàm lượng Curcumin, phương pháp HPLC		PP/HD-CN-22 (2020)	
30.	Xác định hàm lượng đường tổng, phương pháp tạo màu đo quang		PP/HD-CN-24 (2020)	
31.	Xác định hàm lượng ethanol	**Thực phẩm**	TCVN 8008:2009	
32.	Xác định hàm lượng methanol, phương pháp GC		PP/HD-TP-09 (2021)	
33.	Xác định hàm lượng chất béo		TCVN 8151-3:2009	
34.	Xác định hàm lượng đạm		PP/HD-TP-05 (2019)	

STT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp	Giới hạn định lượng/ Phạm vi đo (nếu có)
35.	Xác định chỉ số acid		TCVN 6127:2010	
36.	Xác định độ ẩm bằng phương pháp sấy		TCVN 11888:2017	
37.	Phát hiện và đếm *E. coli, Coliform* bằng phương pháp màng lọc	**Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, nước đá dùng liền**	TCVN 6187-1: 2019	Nước đóng chai 1 CFU/250ml; Nước sạch 1 CFU/100ml
38.	Định lượng *Escherichia coli* giả định		TCVN 6187-2: 1996	3 MPN/100 ml
39.	Định lượng *Streptococci feacal* – Phương pháp màng lọc		TCVN 6189-2:2009	
40.	Phát hiện và đếm *Pseudomonas aeruginosa* - Phương pháp màng lọc		TCVN 8881:2011	
41.	Phát hiện và đếm số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sunphit (Clostridia) - Phương pháp màng lọc		TCVN 6191-2:1996	
42.	Phương pháp định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30^0C	**Thực phẩm bảo vệ sức khỏe**	TCVN 4884-1: 2015	10 CFU/g; 1 CFU/ml
43.	Phương pháp định lượng *Bacillus cereus* giả định trên đĩa thạch		TCVN 4992:2005	10 CFU/g; 1 CFU/ml
44.	Phương pháp định lượng *Staphylococcus aureus* có phản ứng dương tính với coagulase		TCVN 4830-1: 2005	10 CFU/g; 1 CFU/ml
45.	Phương pháp phát hiện và định lượng *Escherichia coli* giả định - Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 6846:2007	0,3 MPN/ml
46.	Phương pháp định lượng *Coliform* - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007	10 CFU/g; 1 CFU/ml

STT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp	Giới hạn định lượng/ Phạm vi đo (nếu có)
47.	Phương pháp định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30^0C	**Thực phẩm**	TCVN 4884-1: 2015	
48.	Phương pháp định lượng *Bacillus cereus* giả định trên đĩa thạch		TCVN 4992: 2005	
49.	Phương pháp định lượng *Staphylococcus aureus* trên đĩa thạch		TCVN 4830-1: 2005	
50.	Phương pháp phát hiện và định lượng *Escherichia coli* giả định - Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 6846:2007	
51.	Phương pháp định lượng *Coliform* - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007	
52.	Phương pháp định lượng *Clostridium perfringens* trên đĩa thạch - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 4991:2005	
53.	Phát hiện *Salmonella*		TCVN 10780-1:2017	

Ghi chú:
Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Y tế.